

Bản án số: 03/2025/KDTM-ST
Ngày: 16-7-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Bà Dương Thị Bạ;
- 2. Bà Phạm Thị Thu Yến;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 17/2025/TLST-KDTM ngày 19 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa ngày 24 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ trụ sở: Tháp B, số A T, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội. Mã số doanh nghiệp: 0100150619.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Triều T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). (Là đại diện theo ủy quyền). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Q; địa chỉ: Đường A, KCN Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Q (sau đây gọi tắt là “Công ty”) có quan hệ vay vốn tại B từ tháng 10/2019. Tính đến thời điểm ngày 17/7/2024, Công ty còn các Hợp đồng tín dụng có dư nợ quá hạn với mức dư nợ cụ thể như sau:

SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY HỢP ĐỒNG	DƯ NỢ GỐC	DƯ LÃI	DƯ LÃI PHẠT
-------------	---------------	-----------	--------	-------------

HĐ hạn mức số 073/2019/2219230 /HĐTD	14/10/2019	1,102,317,763	473,952,745	334,686,890
Tổng cộng		1,102,317,763	473,952,745	334,686,890

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên bao gồm các tài sản của chính Công ty được ký kết theo các hợp đồng bảo đảm tiền vay sau:

TT	Tài sản bảo đảm	Chủ tài sản	Số Hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị tài sản (VND)
1	Máy móc thiết bị trong lĩnh vực dập chính xác (máy dập)	Công ty TNHH Quốc tế Sonics Việt Nam	035/21/2219230/HĐBĐ	05/03/2021	4,800,000,000

Công ty sử dụng vốn vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong những năm qua, do ảnh hưởng bởi dịch bệnh covid 19, cùng với đó là tình hình lạm phát cao, khủng hoảng kinh tế toàn cầu,... hoạt động xuất khẩu bị ảnh hưởng, doanh thu sụt giảm, đến thời điểm hiện tại doanh nghiệp đã tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh. Mặc dù Ngân hàng sử dụng nhiều biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, tuy nhiên doanh nghiệp vẫn không cải thiện được tình hình. Công ty liên tục làm ăn thua lỗ và mất khả năng thanh toán đối với các khoản vay Ngân hàng. Kể từ khi các khoản vay của Công ty bắt đầu phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thoại, gửi văn bản, lập biên bản nhắc nhở, yêu cầu Công ty thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty vẫn không thực hiện đúng, đầy đủ theo các thỏa thuận, cam kết giữa các bên. Đồng thời, thời điểm hiện tại Công ty không thiện chí, phối hợp với Ngân hàng trong việc xử lý, phát mại tài sản bảo đảm để trả nợ.

Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của mình, Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa án xem xét:

1. Buộc Công ty TNHH Q phải thanh toán toàn bộ dư nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đ (B), với tổng dư nợ tính đến hết ngày 17/7/2024 là **1.910.957.398** (Bằng chữ: *Một tỷ chín trăm mười triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi tám đồng*); trong đó, dư nợ gốc là **1.102.317.763 đồng**, dư nợ lãi và lãi phạt là **808.639.635 đồng** và toàn bộ dư nợ lãi, lãi phạt, phí phát sinh cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với B.

2. Trường hợp Công ty TNHH Q không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ được quyền chủ động xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm của Công ty TNHH Q để ưu tiên thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH Q đối với B.

Bị đơn Công ty TNHH Q vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn: Giữ ý kiến đã trình bày, yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản nợ tính đến ngày 15/7/2025 là 2.089.169.896đ (hai tỷ không trăm tám mươi chín triệu một trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng), trong đó dư nợ gốc là **1.102.317.763đ** (một tỷ một trăm lẻ hai triệu ba trăm mười bảy nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng), dư nợ lãi là 986.852.133đ (chín trăm tám mươi sáu triệu tám trăm năm mươi hai nghìn một trăm ba mươi ba đồng) và từ ngày 16/7/2025 tiếp tục trả nợ lãi, lãi phạt, phí phát sinh cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với B. Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ngân hàng được yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và lãi, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, bị đơn có trụ sở tại phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 Thành phố H) theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng bị đơn được tổng đạt niêm yết, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Q (gọi tắt là Công ty) phải thanh toán toàn bộ dư nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đ (B), với tổng dư nợ tính đến hết ngày 15/7/2025 là 2.089.169.896đ (hai tỷ không trăm tám mươi chín triệu một trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng), trong đó dư nợ gốc là 1.102.317.763đ (một tỷ một trăm lẻ hai triệu ba trăm mười bảy nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng), dư nợ lãi là 986.852.133đ (chín trăm tám mươi sáu triệu tám trăm năm mươi hai nghìn một trăm ba mươi ba đồng).

Xét, ngày 14/10/2019, giữa Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh N và Công ty TNHH Q có xác lập hợp đồng tín dụng số 073/2019/2219230/HĐTD với số tiền vay là 2.600.000.000đ (hai tỷ sáu trăm triệu đồng), Ngân hàng đã giải ngân cho

Công ty 02 lần (lần thứ nhất ngày 15/10/2019 và lần thứ hai ngày 25/02/2020). Quá trình vay Công ty đã thanh toán số tiền gốc là 1.496.756.737 đồng và tiền lãi suất là 217.603.161 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH Q đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, Công ty vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định Công ty TNHH Q có vay tiền của Ngân hàng Đ chi nhánh N và được Ngân hàng giải ngân, Công ty TNHH Q đã thực hiện một phần nghĩa vụ về gốc, lãi đối với hợp đồng tín dụng trên. Quá trình thực hiện Công ty vi phạm nghĩa vụ, giữa hai bên có các biên bản họp làm việc để xác định khoản nợ quá hạn và phương hướng khắc phục (biên bản ngày 30/11/2022, ngày 01/3/2023), tuy nhiên sau đó Công ty cũng chỉ thực hiện được một phần như thỏa thuận. Do đó có căn cứ xác định dư nợ tính đến hết ngày 15/7/2025, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 2.089.169.896đ (hai tỷ không trăm tám mươi chín triệu một trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng), trong đó dư nợ gốc là 1.102.317.763đ (một tỷ một trăm lẻ hai triệu ba trăm mười bảy nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng), dư nợ lãi là 986.852.133đ (chín trăm tám mươi sáu triệu tám trăm năm mươi hai nghìn một trăm ba mươi ba đồng). Công ty TNHH Q phải thanh toán số tiền trên và tiếp tục trả nợ lãi, lãi phạt, phí phát sinh trên số dư nợ gốc theo hợp đồng đã ký từ ngày 16/7/2025 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với B.

[3] Về tài sản thế chấp: Để bảo đảm khoản vay nêu trên giữa Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh N và Công ty TNHH Q có xác lập hợp đồng thế chấp số 035/21/2219230/HĐBĐ ngày 05/3/2021, tài sản thế chấp là 01 máy đập 160 tấn, 01 máy đập 200 tấn và 01 máy đập 500 tấn. Hợp đồng thế chấp trên đã tuân thủ quy định pháp luật trong quá trình ký kết, nội dung hợp đồng có thỏa thuận về tài sản thế chấp nghĩa vụ của bên thế chấp. Như vậy, hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý, Công ty TNHH Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Căn cứ khoản 1 Điều 299 và Điều 303 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

[6] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu có trách nhiệm nộp để trả lại cho nguyên đơn do nguyên đơn đã nộp tạm ứng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; các điều 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các điều 299, 303, 335, 338, 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH Q về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc Công ty TNHH Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ còn nợ tính đến ngày 15/7/2025 là 2.089.169.896đ (hai tỷ không trăm tám mươi chín triệu một trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng), trong đó dư nợ gốc là 1.102.317.763đ (một tỷ một trăm lẻ hai triệu ba trăm mười bảy nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng), dư nợ lãi là 986.852.133đ (chín trăm tám mươi sáu triệu tám trăm năm mươi hai nghìn một trăm ba mươi ba đồng).

Công ty TNHH Q phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, lãi phạt và các khoản phí phát sinh kể từ ngày 16/7/2025 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- Trường hợp Công ty TNHH Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 035/21/2219230/HĐBĐ ngày 05/3/2021 đã ký kết giữa các bên.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH Q phải nộp số tiền 73.783.397đ (bảy mươi ba triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) án phí sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 34.664.361 đồng (ba mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm sáu mươi một đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000961 ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH Q phải nộp số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoa H

